

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN
HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban điều hành	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 7
5. Báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	8
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	9 - 10
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Quỹ”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Việt Nam

Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 246/2006/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2006 và được sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 23/2017/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Việt Nam hoạt động theo Quyết định số 237/QĐ-LMHTXVN ngày 28 tháng 6 năm 2022 và được sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 919/QĐ-TT ngày 13/12/2024 của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động.

Vốn điều lệ: **1.000.000.000.000 VND (một nghìn tỷ đồng Việt Nam)**

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 149 Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại : 0243.62.732.079
Fax : 0243.62.732.090

Nhiệm vụ của Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Việt Nam theo Quyết định số 237/QĐ-LMHTXVN:

- Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn vốn trong nước và ngoài nước; các nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- Huy động nguồn từ các tổ chức, cá nhân trong nước theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật liên quan;
- Cho vay khách hàng theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật liên quan;
- Thực hiện các hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư; đào tạo cho các khách hàng vay vốn theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật liên quan;
- Ủy thác, nhận ủy thác cho vay theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật liên quan.

Chủ tịch Quỹ và Kiểm soát viên, Ban điều hành

Chủ tịch Quỹ và Ban Kiểm soát, Ban điều hành của Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Việt Nam trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Chủ tịch Quỹ

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Hùng Tiến	Chủ tịch Quỹ	Từ ngày 05 tháng 7 năm 2024
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Chủ tịch Quỹ	Đến ngày 05 tháng 7 năm 2024

Kiểm soát viên

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Đỗ Tùng Thanh	Kiểm soát viên	Từ ngày 01 tháng 8 năm 2024
Ông Phạm Minh Điển	Kiểm soát viên	Đến ngày 01 tháng 8 năm 2024

Ban điều hành

Tổng Giám đốc của Quỹ là Ông Phạm Công Bằng (bổ nhiệm ngày 27 tháng 07 năm 2022).

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Quỹ trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Công Bằng – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27 tháng 07 năm 2022).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Việt Nam.

QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

Xác nhận của Ban điều hành

Ban điều hành Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Việt Nam chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Việt Nam có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban điều hành đảm bảo rằng, Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Việt Nam đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính, các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Quỹ và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ theo Thông tư số 90/2021/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Bộ tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Việt Nam và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban điều hành Quỹ phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Quỹ, đồng thời phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư số 90/2021/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Bộ tài chính và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban điều hành

Tổng Giám đốc



Phạm Công Bằng

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2025

Số: 2.0438/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CHỦ TỊCH VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Quỹ”), được lập ngày 08 tháng 5 năm 2025, từ trang 06 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng cho Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách được quy định tại Thông tư 90/2021/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2021 do Bộ Tài chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng cho Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách được quy định tại Thông tư 90/2021/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2021 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Thành viên Ban Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2025

Vũ Minh Khôi - Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2025-008-1



QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 149 Giảng Võ – Đống Đa – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	106.408.104.112	237.508.400.222
1. Tiền	111		81.408.104.112	92.508.400.222
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	145.000.000.000
II. Các khoản đầu tư	120		305.000.000.000	380.000.000.000
1. Đầu tư tài chính	121	V.2	305.000.000.000	380.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	122		-	-
3. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư	129		-	-
III. Cho vay	130		629.383.563.746	401.570.971.711
1. Cho vay	131	V.3	640.488.586.616	433.905.349.721
2. Dự phòng rủi ro cho vay	132	V.3	(11.105.022.870)	(32.334.378.010)
IV. Các khoản phải thu	140		3.565.076.661	2.985.774.105
1. Phải thu hoạt động	141	V.4	3.154.473.788	2.657.109.190
2. Phải thu hoạt động ủy thác, hợp vốn	142		-	-
3. Các khoản phải thu khác	143	V.5	410.602.873	328.664.915
4. Dự phòng phải thu khó đòi	149		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
V. Hàng tồn kho	150		-	-
1. Hàng tồn kho	151		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	159		-	-
VI. Tài sản cố định	160		902.253.347	1.054.513.343
1. Tài sản cố định hữu hình	161	V.6	848.253.347	982.513.343
Nguyên giá	161a		1.885.076.319	1.885.076.319
Giá trị hao mòn lũy kế	161b		(1.036.822.972)	(902.562.976)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	162		-	-
Nguyên giá	162a		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	162b		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	163		54.000.000	72.000.000
Nguyên giá	163a		90.000.000	90.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	163b		(36.000.000)	(18.000.000)
VII. Bất động sản đầu tư	170		-	-
Nguyên giá	170a		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	170b		-	-
VIII. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	180		-	-
IX. Tài sản khác	190	V.7	799.862.856	434.684.715
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	200		1.046.058.860.722	1.023.554.344.096

QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 149 Giảng Võ – Đống Đa – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - NGUỒN VỐN				
I - NỢ PHẢI TRẢ	300		5.858.622.675	4.526.532.708
1. Phải trả hoạt động	301	V.8	280.161.364	-
2. Phải trả hoạt động ủy thác, hợp vốn	302		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	303	V.9	5.664.823	23.936.623
4. Phải trả người lao động	304		3.590.520.514	2.952.194.706
5. Các khoản phải trả khác	305		84.748.961	41.093.000
6. Vay và nợ thuê tài chính	306		-	-
7. Dự phòng phải trả	307	V.10	1.211.647.800	1.042.790.880
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	308	V.11	685.879.213	466.517.499
9. Các quỹ đặc thù	309		-	-
II. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.12	1.040.200.238.047	1.019.027.811.388
1. Vốn góp của chủ sở hữu	401		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Vốn góp của chủ sở hữu	401a		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Vốn khác của chủ sở hữu	401b		-	-
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	402		-	-
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	403		-	-
4. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	404		39.742.685.786	18.570.259.127
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	405		-	-
6. Nguồn kinh phí và quỹ khác	406		457.552.261	457.552.261
- Nguồn kinh phí	406a		-	-
- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	406b		457.552.261	457.552.261
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.046.058.860.722	1.023.554.344.096

Người lập biểu

Nguyễn Thị Mai

Kế toán trưởng

Trần Thị Yên

Lập, ngày 08 tháng 5 năm 2025

Tổng Giám đốc

Phạm Công Bằng

4498
CHI
CỔ
CH NH
M TO
A
TÀI
V.G Đ

QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 149 Giảng Võ – Đống Đa – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu hoạt động	01	VI.1	22.901.478.412	20.566.307.885
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		22.901.478.412	20.566.307.885
4. Chi phí hoạt động	11	VI.2	11.358.113.402	25.611.539.672
5. Lợi nhuận gộp	20		11.543.365.010	(5.045.231.787)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	17.725.581.978	33.352.798.668
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí quản lý kinh doanh	23	VI.4	19.606.441.446	13.771.422.739
9. Lợi nhuận thuần	30		9.662.505.542	14.536.144.142
10. Thu nhập khác	31	VI.5	12.603.731.295	1.330.744.000
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác	40		12.603.731.295	1.330.744.000
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.266.236.837	15.866.888.142
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.266.236.837	15.866.888.142

Lập, ngày 08 tháng 5 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Mai

Trần Thị Yên

Phạm Công Bằng

QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 149 Giảng Võ – Đống Đa – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động nghiệp vụ				
1. Tiền thu từ các hoạt động nghiệp vụ chủ yếu	01		207.966.911.549	20.566.307.885
2. Tiền chi các hoạt động nghiệp vụ chủ yếu	02		(431.288.693.381)	(37.163.688.750)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(7.542.087.252)	(4.316.900.757)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-
6. Tiền thu khác	06		13.699.393.499	2.023.586.924
7. Tiền chi khác	07		(6.192.957.449)	(3.541.793.989)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động nghiệp vụ	20		(223.357.433.034)	(22.432.488.687)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(840.000.000.000)	(710.000.000.000)
4. Tiền thu từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		915.000.000.000	665.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.257.136.924	34.066.436.806
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		92.257.136.924	(10.933.563.194)

QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 149 Giảng Võ – Đống Đa – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(131.100.296.110)	(33.366.051.881)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	237.508.400.222	270.874.452.103
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	106.408.104.112	237.508.400.222

Người lập biểu

Nguyễn Thị Mai

Kế toán trưởng

Trần Thị Yên

Lập, ngày 08 tháng 5 năm 2025

Tổng Giám đốc

Phạm Công Bằng

QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 149 Giảng Võ – Đống Đa – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Hình thức sở hữu vốn

Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Quỹ là cho vay.

3. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

4. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Quỹ có 49 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 38 nhân viên).

II. NĂM KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm kế toán

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo tài chính là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng chế độ kế toán ban hành kèm theo Thông tư số 90/2021/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Bộ tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ đã được ban hành kèm theo Thông tư số 90/2021/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Bộ tài chính.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 149 Giảng Võ – Đống Đa – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Nguyên tắc kế toán các khoản cho vay

Khoản cho vay là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ giá trị của các khoản cho vay của Quỹ, bao gồm các khoản cho vay (bao gồm cả Quỹ trực tiếp hoặc gián tiếp cho vay, Quỹ hợp vốn hoặc nhận hợp vốn cho vay, Quỹ ủy thác hoặc nhận ủy thác cho vay); các khoản trả nợ thay khi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tín dụng theo cam kết tại thời điểm báo cáo.

Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Việc phân loại nợ được thực hiện theo Thông tư 14/2024/TT-NHNN ngày 28/06/2024 của Ngân hàng Nhà nước và việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đối với các nhóm nợ được thực hiện theo quy định tại Nghị định 86/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2024.

Các khoản nợ được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn. Nợ xấu là các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn. Các khoản nợ được phân loại và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng vào thời điểm cuối mỗi tháng và được ghi nhận hạch toán vào tháng tiếp theo. Dự phòng rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm đó.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản nợ được tính bằng giá trị còn lại của khoản nợ trừ giá trị của tài sản đảm bảo đã được khấu trừ. Dự phòng cụ thể được trích lập dựa trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản nợ theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm nợ như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	2%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	25%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Theo Nghị định 86/2024/NĐ-CP, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa xác định trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp tổ chức tín dụng gặp khó khăn về tài chính khi chất lượng nợ suy giảm. Theo đó, hàng tháng Quỹ phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,5% dư nợ gốc của toàn bộ các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Xử lý rủi ro tín dụng

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên Báo cáo kết quả hoạt động và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo quy định tại Nghị định 86/2024/NĐ-CP, Quỹ Hỗ trợ Phát triển Hợp tác xã phải thành lập Hội đồng xử lý rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu chúng được phân loại vào nợ nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích. Sau 05 năm kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay và đã thực hiện các biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu hồi được, Quỹ Hỗ trợ Phát triển Hợp tác xã được xuất toán các khoản nợ đã được xử lý rủi ro cho vay ra khỏi ngoại bảng.

QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 149 Giảng Võ – Đống Đa – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Khoản phải thu bao gồm phải thu hoạt động và phải thu khác.

- Phải thu hoạt động để phản ánh số phải thu và tình hình thu nợ phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ theo quy định tại cơ chế tài chính hiện hành của Quỹ, bao gồm cả các khoản phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay (Quỹ trực tiếp cho vay, Quỹ thực hiện cam kết bảo lãnh tín dụng, Quỹ giao ủy thác cho vay, Quỹ tham gia hợp vốn cho vay); phí hoạt động nhận ủy thác phải thu từ bên giao ủy thác (bao gồm các hoạt động nhận ủy thác cho vay, nhận ủy thác ứng vốn, nhận ủy thác cấp phát của ngân sách); phí quản lý hợp vốn cho vay phải thu từ các bên tham gia hợp vốn cho vay trong trường hợp Quỹ là đầu mỗi hợp vốn; phí hoạt động nhận bảo lãnh tín dụng phải thu của Quỹ.
- Phải thu khác để phản ánh các khoản nợ phải thu ngoài phạm vi đã phản ánh ở các tài khoản phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu này.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Quỹ có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

6. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Quỹ phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08

7. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Quỹ. Quỹ phân loại các khoản phải trả để hạch toán vào tài khoản tương ứng. Các khoản phải trả của Quỹ phải được theo dõi chi tiết theo từng nội dung phải trả, cho từng đối tượng trả, từng lần phải thanh toán,... và phải theo dõi chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra. Khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán phải ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 149 Giảng Võ – Đống Đa – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Nguyên tắc kế toán các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Đơn vị có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Việc xác định các khoản dự phòng được phép trích lập, mức trích lập, sử dụng và hoàn nhập các khoản dự phòng phải tuân theo quy định của cơ chế tài chính hiện hành của Quỹ và quy định pháp luật có liên quan.

Chỉ được sử dụng các khoản dự phòng theo đúng mục đích khi trích lập ban đầu.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu là phần tài sản thuần của Quỹ thuộc sở hữu của tổ chức góp vốn (chủ sở hữu), vốn chủ sở hữu được phản ánh theo từng nguồn hình thành.

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được hình thành từ lợi nhuận sau thuế như: Quỹ dự phòng tài chính; Quỹ đầu tư phát triển,... Việc trích lập và sử dụng các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu theo quy định của cơ chế tài chính hiện hành của Quỹ. Phải mở sổ theo dõi chi tiết các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu theo yêu cầu quản lý và quy định về cơ chế tài chính của Quỹ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của Quỹ ngoại trừ phần đóng góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

11. Nguyên tắc kế toán các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong tương lai có liên quan đến việc giảm bớt tài sản hoặc tăng nợ phải trả, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Theo quy định tại điều 3, Nghị định số 45/2021/NĐ-CP: “Quỹ hợp tác xã là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hoạt động theo mô hình công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn, tự chủ và chịu trách nhiệm trong huy động vốn và sử dụng vốn nhằm thực hiện chức năng cho vay cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, thành viên của tổ hợp tác và hợp tác xã theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan”.

Theo mục 2, khoản 1, điều 6 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 về Sửa đổi, bổ sung Khoản 9 Điều 8 Thông tư số 78/2014/TT-BTC quy định về Thu nhập được miễn thuế TNDN: “thu nhập từ hoạt động có thu do thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã”

Quỹ được miễn nộp thuế và các khoản nộp Ngân sách nhà nước với các hoạt động hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các hoạt động bảo toàn và phát triển vốn của Quỹ.

QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 149 Giảng Võ – Đống Đa – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	121.803.981	301.214.087
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	81.286.300.131	92.207.186.135
Các khoản tương đương tiền	25.000.000.000	145.000.000.000
Cộng	106.408.104.112	237.508.400.222

2. Các khoản đầu tư tài chính

Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

3. Các khoản cho vay

3.1. Cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Gốc cho vay	Giá trị có thể thu hồi	Gốc cho vay	Giá trị có thể thu hồi
Quỹ trực tiếp cho vay	640.488.586.616	629.383.563.746	433.905.349.721	401.570.971.711
Cộng	640.488.586.616	629.383.563.746	433.905.349.721	401.570.971.711

3.2. Phân tích chất lượng nợ cho vay

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	634.257.072.790	422.228.967.721
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	-	-
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	1.138.962.826	1.067.614.000
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	5.092.551.000	246.839.000
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	-	10.361.929.000
Cộng	640.488.586.616	433.905.349.721

3.3. Dự phòng rủi ro cho vay

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số dư đầu năm	32.334.378.010	39.171.002.879
Dự phòng trích trong năm	10.677.562.660	25.108.212.089
Sử dụng dự phòng xử lý nợ	(31.906.917.800)	(31.944.836.958)
Cộng	11.105.022.870	32.334.378.010

4. Phải thu hoạt động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu hoạt động	3.141.831.308	2.644.609.190
Các khoản phải thu khác	12.642.480	12.500.000
Cộng	3.154.473.788	2.657.109.190

QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 149 Giảng Võ – Đống Đa – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	410.602.873	327.088.530
Phải thu khác	-	1.576.385
Cộng	410.602.873	328.664.915

6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ				
Số dư đầu năm	557.476.319	1.267.600.000	60.000.000	1.885.076.319
Số dư cuối năm	557.476.319	1.267.600.000	60.000.000	1.885.076.319
Trong đó:				
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	557.476.319	-	-	557.476.319
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	557.476.319	306.336.657	38.750.000	902.562.976
Khấu hao trong năm	-	126.759.996	7.500.000	134.259.996
Số dư cuối năm	557.476.319	433.096.653	46.250.000	1.036.822.972
Giá trị còn lại của TSCĐ				
Số đầu năm	-	961.263.343	21.250.000	982.513.343
Số cuối năm	-	834.503.347	13.750.000	848.253.347

7. Tài sản khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	538.682.621	373.283.691
Chi phí sửa chữa	218.295.340	7.344.103
Chi phí bảo hiểm	10.749.865	7.784.574
Các chi phí trả trước khác	32.135.030	46.272.347
Cộng	799.862.856	434.684.715

8. Phải trả hoạt động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Sách lịch Sen Việt	194.946.480	-
Công ty TNHH và Dịch vụ Sơn Hải Anh – SHA	61.389.884	-
Các nhà cung cấp khác	23.825.000	-
Cộng	280.161.364	-

QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 149 Giảng Võ – Đống Đa – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế thu nhập cá nhân	23.936.623	147.072.743	(165.344.543)	5.664.823
Cộng	23.936.623	147.072.743	(165.344.543)	5.664.823

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định tại điều 3, Nghị định số 45/2021/NĐ-CP: “Quỹ hợp tác xã là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hoạt động theo mô hình công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn, tự chủ và chịu trách nhiệm trong huy động vốn và sử dụng vốn nhằm thực hiện chức năng cho vay cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, thành viên của tổ hợp tác và hợp tác xã theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan”.

Theo mục 2, khoản 1, điều 6 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 về sửa đổi, bổ sung Khoản 9 Điều 8 Thông tư số 78/2014/TT-BTC quy định về Thu nhập được miễn thuế TNDN bao gồm thu nhập từ hoạt động có thu do thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã.

Quỹ được miễn nộp thuế và các khoản nộp Ngân sách nhà nước với các hoạt động hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các hoạt động bảo toàn và phát triển vốn của Quỹ.

Thuế thu nhập cá nhân

Quỹ kê khai và nộp thuế theo quy định.

10. Dự phòng phải trả

Là chi phí dự phòng tiền lương của Quỹ.

11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	213.680.656	462.348.978	(216.279.127)	459.750.507
Quỹ phúc lợi	252.836.843	631.461.200	(658.169.337)	226.128.706
Cộng	466.517.499	1.093.810.178	(874.448.464)	685.879.213

QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 149 Giảng Võ – Đống Đa – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ thực góp	Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ		Quỹ đầu tư phát triển (**)	Quỹ dự phòng tài chính (**)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
							Cộng
Số dư đầu năm trước	1.000.000.000.000	-	367.552.261	2.884.210.410	505.160.575	-	1.003.756.923.246
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	15.866.888.142	15.866.888.142
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	90.000.000	13.684.199.328	1.586.688.814	(15.866.888.142)	(506.000.000)
Sử dụng quỹ trong năm trước	-	-	-	(90.000.000)	-	-	(90.000.000)
Số dư cuối năm trước	1.000.000.000.000		457.552.261	16.478.409.738	2.091.849.389	-	1.019.027.811.388
Số dư đầu năm nay	1.000.000.000.000	-	457.552.261	16.478.409.738	2.091.849.389	-	1.019.027.811.388
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	22.266.236.837	22.266.236.837
Trích lập các quỹ trong năm nay (*)	-	-	-	18.945.802.975	2.226.623.684	(22.266.236.837)	(1.093.810.178)
Số dư cuối năm nay	1.000.000.000.000		457.552.261	35.424.212.713	4.318.473.073	-	1.040.200.238.047

(*) Theo quyết định trích quỹ số 3363/QĐ-QHTPTHXVN ngày 31/12/2024 Quỹ đã trích các quỹ như sau:
Số tiền (VND)

Quỹ dự phòng tài chính (10% lợi nhuận sau thuế)	2.226.623.684
Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	1.093.810.178
Quỹ đầu tư phát triển:	18.945.802.975
Trích Quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế)	6.679.871.051
Số còn lại sau khi trích quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng phúc lợi	12.265.931.924

(**) Các quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	35.424.212.713	16.478.409.738
Quỹ dự phòng tài chính	4.318.473.073	2.091.849.389
Cộng	39.742.685.786	18.570.259.127

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 149 Giảng Võ – Đống Đa – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

1. Doanh thu hoạt động

Là doanh thu tiền lãi cho vay.

2. Chi phí hoạt động

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dự phòng rủi ro cho vay	10.677.562.660	25.108.212.089
Chi phí hoạt động cho vay, thu nợ	666.404.697	488.601.346
Chi khác từ hoạt động nghiệp vụ	14.146.045	14.726.237
Cộng	11.358.113.402	25.611.539.672

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	17.644.383.508	33.274.773.665
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	81.198.470	78.025.003
Cộng	17.725.581.978	33.352.798.668

4. Chi phí quản lý kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	541.754.775	478.319.844
Chi phí nhân công	11.590.991.234	9.133.767.597
Chi phí khấu hao tài sản cố định	152.259.996	152.259.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.216.571.516	1.661.979.824
Chi phí khác bằng tiền	5.104.863.925	2.345.095.478
Cộng	19.606.441.446	13.771.422.739

5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu hồi các khoản nợ đã xóa	12.603.731.295	1.330.744.000



QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 149 Giảng Võ – Đống Đa – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 08 tháng 5 năm 2025

Người lập biểu



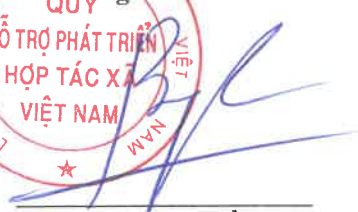
Nguyễn Thị Mai

Kế toán trưởng



Trần Thị Yên

Tổng Giám đốc



Phạm Công Bằng

